

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/DS-ST
Ngày: 31/03/2021
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản và thực
hiện nghĩa vụ do người chết
để lại.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Ah

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Huỳnh Xuân Thủy;

- Ông Lý Vĩnh Thành;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 3 năm 2021 và ngày 31 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2015/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2015 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2020/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2020; Quyết định số 19/2020/QĐST-DS ngày 16/9/2020 về tạm ngừng phiên tòa; Thông báo mở lại phiên tòa số 57/TB-MLPT ngày 23/12/2020; Thông báo số 01/TB-TA ngày 11/01/2021 thay đổi thời gian xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-DS ngày 22/01/2021; Thông báo mở lại phiên tòa số 03/TB-MLPT ngày 09/3/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/QĐST-DS ngày 17/3/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Thg (Quang Thg), sinh năm 1969, nơi cư trú: Số 4/1, đường Đề Thám, khóm KH 3, phường KH, thành phố XL, tỉnh An Giang. Nơi làm việc: Số 20, đường LL, phường cP, thành phố X, tỉnh An Giang, có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Minh El, Văn phòng luật sư PM; địa chỉ: 60/10B, THD, khóm DT, phường UY,

thành phố XL, tỉnh An Giang, có mặt.

Bị đơn: Bà Bùi Mỹ Th, sinh năm 1971, nơi cư trú: Số nhà 58/51, đường THD, tổ 10, khóm 2, phường CAp, thành phố X, tỉnh An Giang, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1936, nơi cư trú: Khóm Tlg, thị trấn BCh, huyện TTn, tỉnh An Giang, có đơn xin vắng mặt.

2. Bà Huỳnh Thị Mỹ Hg, sinh năm 1989, có đơn xin vắng mặt.

3. Ông Huỳnh Hữu TaH, sinh năm 1990, có đơn xin vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: Số nhà 58/51, đường THD, tổ 10, khóm 2, phường CAp, thành phố X, tỉnh An Giang.

4. Bà Phạm Thị Diệu LiH, sinh năm 1977, nơi cư trú: Số 90, đường Trung Nữ Vương, khóm Ct, phường cP, thành phố X, tỉnh An Giang, có mặt.

5. Ông Đoàn Nguyễn Huy Qn, sinh năm 1985, nơi làm việc: Số 20, đường LL, phường cP, thành phố X, tỉnh An Giang, có mặt.

6. Ông Huỳnh Văn Trg, sinh năm 1967, có đơn xin vắng mặt;

7. Ông Huỳnh Văn U, sinh năm 1976, có đơn xin vắng mặt;

8. Ông Huỳnh Văn TiN, sinh năm 1974, có mặt;

9. Huỳnh Văn TiA, sinh năm 1975, có mặt;

10. Bà Lâm Thị S, sinh năm 1976 (vợ ông Huỳnh Văn U) có mặt;

11. Hồ Thị L, sinh năm 1970 (vợ ông Huỳnh Văn TiN) có đơn xin vắng mặt;

12. Huỳnh Văn Ed, sinh năm 2002 (con ông Huỳnh Văn TiN) có đơn xin vắng mặt;

13. Huỳnh Hữu PhC, sinh năm 2000 (con ông Huỳnh Văn TiA) có đơn xin vắng mặt;

14. Bà Huỳnh Thị Ánh TuT, sinh năm 1976 (vợ ông Huỳnh Văn TiA) có đơn xin vắng mặt;

Cùng cư trú: Khóm Tlg, thị trấn BCh, huyện TTn, tỉnh An Giang

15. Huỳnh Thị Thu Ah, sinh năm 1972, có đơn xin vắng mặt.

16. Trịnh Văn Eb, sinh năm 1968, có đơn xin vắng mặt.

Cùng cư trú: Ấp Ah, xã Li, huyện TTn, tỉnh An Giang.

17. Bà Phạm Thị Diệu Tn, sinh năm 1979, nơi cư trú: Số 90, đường TNV, khóm Ct, phường cP, thành phố X, tỉnh An Giang, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Thg trình bày:

Ngày 07/8/2014 và ngày 16/9/2014, do quen biết ông Huỳnh Anh H2K, nên ông Nguyễn Văn Thg có cho ông Huỳnh Anh H2K vay số tiền là 900.000.000 đồng, vay làm hai đợt, với thỏa thuận là khi nào cần tiền thì ông Thg báo trước cho ông H2K hay, ông H2K sẽ trả tiền lại cho ông Thg. Ngày 03/3/2015 ông H2K chết.

Sau khi ông H2K qua đời, toàn bộ di sản thừa kế đã được các đồng thừa kế lập văn bản với nội dung để lại toàn bộ di sản cho bà Bùi Mỹ Th (vợ ông H2K). Ông Thg liên hệ với bà Bùi Mỹ Th để thỏa thuận số tiền ông H2K đã vay và bà Th có trả cho ông Thg số tiền 300.000.000 đồng. Do đó, ông Thg khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Bùi Mỹ Th phải hoàn trả cho ông Thg toàn bộ số tiền vốn gốc là 600.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Thg có đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu bà Th trả thêm số tiền 200.000.000 đồng, do trong số tiền 300.000.000 đồng bà Th trả ông Thg, ông Thg đưa lại cho bà Th 200.000.000 đồng để bà Th thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho người khác. Sau đó, ông Thg yêu cầu những người nhận di sản của ông Huỳnh Anh H2K để lại gồm bà Nguyễn Thị B, Bùi Mỹ Th, Huỳnh Thị Mỹ Hg, Huỳnh Hữu TaH cùng có nghĩa vụ trả 800.000.000 đồng cho ông Thg. Cùng với yêu cầu này, ông Thg đã nộp tạm ứng án phí bổ sung ngày 11/4/2018.

Nay ông Thg yêu cầu những người nhận di sản của ông Huỳnh Anh H2K để lại gồm bà Nguyễn Thị B, Bùi Mỹ Th, Huỳnh Thị Mỹ Hg, Huỳnh Hữu TaH thực hiện nghĩa vụ của ông Huỳnh Anh H2K, trả cho ông số tiền 800.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi vay.

Hiện nay, ông Thg đang giữ giấy tờ quyền sử dụng đất (hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Bùi Mỹ Th nhận thừa kế từ các đồng thừa kế của ông Huỳnh Anh H2K chuyển tặng cho) gồm giấy chứng nhận thửa đất số 82, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.251,8m², trong đó đất ở đô thị 600m², đất trồng cây lâu năm 651,8m², tọa lạc tại khóm Tlg, thị trấn BCh, huyện TTn, tỉnh An Giang.

Bị đơn bà Bùi Mỹ Th trình bày:

Bà là vợ ông Huỳnh Anh H2K, ngày 03/3/2015 ông H2K chết. Số tiền mà ông H2K vay của ông Thg, bà hoàn toàn không biết và cũng không sử dụng số tiền này. Tuy nhiên, do chồng bà vay mượn, nên về nghĩa vụ bà cũng phải có trách nhiệm trả. Nay bà Th đồng ý số nợ 800.000.000 đồng của ông Thg khởi kiện bà, nhưng nay bà không còn khả năng thanh toán cho ông Thg.

Hiện nay, ông Thg đang giữ bản chính giấy tờ quyền sử dụng đất (hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Bùi Mỹ Th nhận thừa kế từ các đồng thừa kế của ông H2K chuyển tặng cho) gồm giấy chứng nhận thửa đất số 82, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.251,8m², trong đó đất ở đô thị 600m², đất trồng

câu lâu năm 651,8m²; giấy chứng nhận thửa đất số 62, tờ bản đồ số 15, diện tích 746 m² đất trồng cây hàng năm khác, đều tọa lạc tại khóm Thanh Lương, thị trấn BCh, huyện TTn, tỉnh An Giang, mà không được sự đồng ý của Bùi Mỹ Th, do vậy bà Bùi Mỹ Th yêu cầu ông Thg giao trả lại hai giấy chứng nhận trên.

Đối với bà Phạm Thị Diệu LiH, bà Th trình bày, bà không quen biết biết bà LiH, do ông Thg giới thiệu dẫn bà Th đến nhà bà LiH hỏi vay số tiền 1.200.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng Vietcombank chi nhánh X. Tại nhà bà LiH, Ông Thg hỏi mượn tiền bà LiH cho bà Th để làm thủ tục sang tên chuyển quyền từ tên ông Huỳnh Anh H2K chuyển sang tên Bùi Mỹ Th, sau đó, làm thủ tục vay lại trả vào số tiền nợ Ngân hàng 1.200.000.000 đồng. Ông Thg nói với bà LiH mượn tiền để làm thủ tục trả nợ Ngân hàng ra, rút giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất xong thì sang tên rồi vay lại trả cho bà LiH. Nhưng bà LiH không đồng ý, bà và ông Thg ra về. Khoảng vài ngày sau, thì bà Th được ông Thg cho biết đã thanh toán số nợ tại Ngân hàng xong, bà đến Ngân hàng ký tên, làm thủ tục nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về để sang tên.

Quá trình làm thủ tục thì quyền sử dụng đất đứng tên ông Huỳnh Anh H2K diện tích 30.212m², tọa lạc xã Vĩnh PhC, huyện TTn, An Giang, bà Nguyễn Thị B, là mẹ ruột ông H2K cùng các anh chị em ông H2K không đồng ý ký tên cho bà Th sang tên, vì vậy không làm thủ tục vay đáo hạn Ngân hàng được.

Đối với các tài sản còn lại gồm diện tích 57,7m² quyền sử dụng đất gắn liền căn nhà diện tích 74,2m², tọa lạc tại THD, khóm 2, phường CAp, thành phố X; Quyền sử dụng đất diện tích 1.251,8m² đất, tọa lạc khóm Tlg, thị trấn BCh, huyện TTn, An Giang; Quyền sử dụng đất diện tích 746,2m², tọa lạc khóm Tlg, thị trấn BCh, huyện TTn, An Giang thì bà Bùi Mỹ Th đã chuyển tên từ tên hai vợ chồng sang bà Th đứng tên.

Sau đó, Bà Th có thể chấp quyền sử dụng đất diện tích 57,7m² gắn liền nhà ở diện tích xây dựng 74,20m² đứng tên bà Th, để vay 200.000.000 đồng của Ngân hàng Vietcombank chi nhánh X, khi Ngân hàng giải ngân thì ông Nguyễn Văn Thg giữ lại số tiền này. Ông Thg, ông Qn kêu bà Th ký tên nhưng ủy nhiệm chỉ cho người khác nhận tiền 200.000.000 đồng. Ông Quang nói bà Th vay của bà LiH 1.200.000.000 đồng thì trả cho bà LiH bớt 200.000.000 đồng. Số tiền 200.000.000 đồng này bà Th không có nhận tiền mặt, mà do ông Quang, ông Thg làm thủ tục, còn việc trả nợ thì chỉ nghe ông Thg nói là trả cho bà LiH, rồi ông Qn và ông Thg hướng dẫn kêu bà Th viết biên nhận cam kết là có trả 200.000.000 đồng cho bà LiH, để trừ vào số nợ 1.200.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà LiH, thì bà Th không có vay trực tiếp tiền của bà LiH, bà chỉ biết ông Nguyễn Văn Thg. Toàn bộ do ông Thg giới thiệu và ông Thg tự chuyển tiền vào tài khoản nợ của ông H2K, ông Qn nhận tiền từ bà LiH, sau đó mới trả nợ tất toán hợp đồng vay của ông H2K và bà tại Ngân hàng.

Bà Th không có viết biên nhận nợ gì với bà LiH, không có gặp mặt, không có thoả thuận giao dịch vay vốn của bà LiH. Khi ông Qn kêu bà đến Ngân hàng làm thủ tục ký tên, sau đó ông Qn về nhà bà đường THD, phường CAP, thành phố X. Ông Qn có đưa cho bà Th một tờ giấy biên nhận, bà Th có ký họ tên và có điền vào số tiền 1.200.000.000 đồng, bà đưa trả lại cho ông Qn. Ngoài ra, bà không ghi chữ viết hay nội dung gì thêm.

Nay đối với số tiền 1.000.000.000 đồng mà bà LiH khởi kiện, bà Th có ý kiến, toàn bộ số tiền 1.200.000.000 đồng là do ông Thg giúp bà trả nợ Ngân hàng, bà là người thụ hưởng, vì vậy, bà tự nguyện trả cho ông Thg số tiền trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Diệu LiH có đơn yêu cầu tham gia tố tụng có yêu cầu độc lập:

Theo nội dung đơn bà LiH trình bày, bà và ông Nguyễn Văn Thg, Trưởng phòng thuộc Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) chi nhánh X có mối quan hệ làm ăn với nhau đã lâu. Ngày 14/7/2015, ông Thg có điện thoại hỏi vay số tiền 1.200.000.000 (một tỷ hai trăm triệu) đồng để trả tiền vay đảo hạn cho bà Bùi Mỹ Th tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) chi nhánh X, thời hạn vay 07 ngày, lãi suất 2.400.000 đồng/ngày. Sáng ngày 14/7/2015, ông Thg cho số tài khoản của khách hàng của ông Thg, kêu bà LiH chuyển khoản trước 600.000.000 đồng. Chiều ngày 14/7/2015, ông Thg kêu ông Đoàn Nguyễn Huy Qn đến nhà bà LiH nhận 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng còn lại. Do mối quan hệ từ lâu, nên khi ông Qn nhận tiền, bà LiH chỉ đưa tiền mặt, không có làm biên nhận.

Sau đó, bà LiH nhiều lần yêu cầu ông Nguyễn Văn Thg trả số nợ 1.200.000.000 đồng. Đến tháng 12/2015, ông Thg điện thoại kêu ông Qn dẫn bà LiH đến thị trấn BCh, huyện TTn, tỉnh An Giang gặp bà Th, ông Huỳnh Hữu TaH (con bà Th), bà Nguyễn Thị B (mẹ chồng bà Th) để đôn đốc việc trả nợ, thì bà B có làm tờ cam kết với nội dung bà B sẽ sang nhượng phần đất do ông Huỳnh Anh H2K để lại cho bà LiH để trừ nợ nhưng bà B không thực hiện.

Ông Thg có trả cho bà LiH được số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng bằng cách chuyển vào tài khoản Vietcombank của bà Phạm Thị Diệu Tn (em gái bà LiH).

Theo đơn khởi kiện, bà LiH có yêu cầu độc lập, yêu cầu ông Thg, bà Th, bà B và ông Qn có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà LiH số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 14/7/2015 đến nay. Đối với những tài sản trước đây bà Th thế chấp cho Ngân hàng để vay tiền, ông Thg vay 1.200.000.000 đồng của bà LiH để giải chấp cho số tài sản của bà Th đến giai đoạn thi hành án, bà LiH yêu cầu được ưu tiên thanh toán.

Ông Đoàn Nguyễn Huy Qn trình bày

Năm 2015, ông Qn là cán bộ tín dụng, có quản lý hồ sơ vay vốn của ông Huỳnh Anh TiN với bà Bùi Mỹ Th, với số tiền vay 1.200.000.000 đồng. TiA sản phẩm của ông H2K gồm:

- 57,7m² quyền sử dụng đất gắn liền căn nhà diện tích 74,2m², tọa lạc tại THD, khóm 2, phường CAp, thành phố X.

- Quyền sử dụng đất diện tích 1.251,8m² đất, tọa lạc khóm Tlg, thị trấn BCh, huyện TTn, An Giang.

- Quyền sử dụng đất diện tích 746,2m², tọa lạc khóm Tlg, thị trấn BCh, huyện TTn, An Giang.

- Quyền sử dụng đất diện tích 30.212m², tọa lạc xã Vĩnh PhC, huyện TTn, An Giang.

Do ông H2K chết, nên Ngân hàng đã yêu cầu bà Th trả nợ, đồng thời hỗ trợ các thủ tục chuyển quyền sở hữu cho bà Th đứng tên để Ngân hàng cho vay lại. Chiều ngày 14/7/2015, ông Qn vào hệ thống của Ngân hàng xem lại thì thấy trong tài khoản thanh toán của bà Th có 600.000.000 đồng, nên ông Qn báo với bộ phận của Ngân hàng đã thu một phần nợ vay của bà Th.

Cuối giờ chiều ngày 14/7/2015, ông Nguyễn Văn Thg, Trưởng phòng khách hàng, có yêu cầu ông Qn đến nhà bà LiH để nhận tiền hộ cho bà Th 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). Vì ông Thg nói đã làm việc trực tiếp và thỏa thuận với bà LiH và bà Th về khoản tiền vay trên. Vì bà Th bận công việc cá nhân nên không nhận kịp về nộp cho Ngân hàng trước khi ngân hàng khóa sổ.

Khi ông Qn đến nhà bà LiH, bà LiH nói đã làm việc với ông Thg rồi, bà LiH có đưa biên nhận trắng để cho ông Qn đem về cho bà Th ký tên. Khi ông Qn nhận tiền xong, đem về Ngân hàng giao cho bà Th, bà Th đi nộp vào cho thu ngân để thu tất nợ vay còn lại 600.000.000 đồng. Sau đó, ông Qn đi về nhà bà Th, đưa biên nhận trắng có ghi chữ sẵn và bà Bùi Mỹ Th có ký tên vay nợ số tiền 1.200.000.000 đồng. Biên nhận này, ông Qn đem lại đưa cho bà Tn, em gái bà LiH.

Bà LiH có nhờ ông Qn đi đến thị trấn B Chúc, gặp gia đình ông H2K để thông báo bà Th vay tiền của bà LiH, nhưng gia đình ông H2K không hợp tác. Nay ông Qn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Diệu LiH.

Bà Phạm Thị Diệu Tn trình bày

Bà là em ruột của bà Phạm Thị Diệu LiH. Vào ngày 04/01/2016, bà Th có chuyển vào tài khoản của bà Tn số tiền 200.000.000 đồng. Số tiền này, bà Tn đã giao đủ cho bà LiH. Bà không có liên quan hoặc tranh chấp gì trong vụ án này.

Bà Nguyễn Thị B trình bày, bà là mẹ ruột của ông Huỳnh Anh H2K, việc ông Huỳnh Anh H2K có vay của ông Nguyễn Văn Thg số tiền bao nhiêu thì bà B không biết, vì bà không sử dụng vào số tiền này.

Đối với Quyền sử dụng đất diện tích 30.212m², tọa lạc xã Vĩnh PhC, huyện TTn, An Giang, bà B đã cho 04 người con là Huỳnh Thị Thu Ah, Huỳnh Văn TiN (Tuấn), Huỳnh Văn TiA, Huỳnh Văn U; Diện tích 1.251,8m² đất, tọa lạc khóm Tlg, thị trấn BCh, huyện TTn, An Giang; Quyền sử dụng đất diện tích 746,2m², tọa lạc khóm Tlg, thị trấn BCh, huyện TTn, An Giang, nguồn gốc là của bà và ông Huỳnh Văn Hoa (ông Hoa chết vào năm 2010).

Năm 2012, ông H2K có về TTn mượn giấy chứng nhận để vay vốn làm ăn, 03 năm sau thì chuyển giấy trả lại cho các anh em, bà B đồng ý cho mượn. Bà B có cho ông Huỳnh Anh H2K mượn giấy tờ quyền sử dụng đất để vay vốn làm ăn, bà không biết ông H2K đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất đã có các căn nhà của Huỳnh Văn TiA, Huỳnh văn TiN, nhà bà B ở cùng Huỳnh Văn U từ năm 1979 đến nay. Phần diện tích của ông H2K được bà và ông Hoa cho riêng là 31.500m², ông H2K đã bán cho ông Huỳnh Văn Nghiệp.

Năm 2014, ông H2K chết, bà Th yêu cầu được chuyển sang tên bà Th, thì các ông Huỳnh Thị Thu Ah, Huỳnh Văn TiN (Tuấn), Huỳnh Văn TiA, Huỳnh Văn U không đồng ý, đã khiếu nại đến xã Vĩnh PhC, nhờ hòa giải, bà Th mới đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B để sang tên cho các ông, bà gồm Nguyễn Thị B diện tích 6.002m²; Huỳnh Thị Thu Ah 6.456m²; Huỳnh Văn TiA 6.619m², Huỳnh Văn U 12.719m².

Nay bà B đã già yếu, phần đất này đã phân chia từ trước, mỗi người đều canh tác đất của mình. Bà B không có khả năng trả nợ cho ông H2K, nhưng vì tình thương con, bà đồng ý trả nợ cho ông Huỳnh Anh H2K 90.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị B yêu cầu bà Bùi Mỹ Th giao trả lại hai giấy chứng nhận QSDĐ cho bà.

Ông Huỳnh Văn U, Huỳnh Thị Thu Ah, Huỳnh Văn TiN (Tuấn), Huỳnh Văn TiA trình bày, các ông, bà là con bà Nguyễn Thị B và ông Huỳnh Văn Hoa (chết năm 2010), sống cùng và cạnh nhà với bà Nguyễn Thị B. Việc thiếu nợ của ông H2K với bà Th, không liên quan đến bà B, bà B không sử dụng số tiền vay của ông H2K. Bà Phạm Thị Diệu LiH nhiều lần vào nhà bà B buộc trả nợ tiếp cho ông H2K, bà Th, gia đình không đồng ý. Còn về phần diện tích đất nông nghiệp trồng lúa diện tích 30.212m², đây là đất của cha mẹ đã chia cho khi cha còn sống, các ông đã canh tác liên tục từ năm 1997 đến nay gồm Huỳnh Thị Thu Ah, Huỳnh Văn TiN (Tuấn), Huỳnh Văn TiA, Huỳnh Văn U. Việc ông H2K đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi đem đi vay vốn, gia đình không hay biết, ông H2K chỉ nói mượn đi vay vốn làm ăn.

Tòa án đã mở phiên hòa giải, đối chất giữa các đương sự nhưng không thành.

Tại phiên tòa,

- Ông Nguyễn Văn Thg có đơn xin xét xử vắng mặt. Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Thg yêu cầu bà Bùi Mỹ Th trả 800.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất vay.

- Bà LiH rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Thg, ông Qn có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà LiH số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 14/7/2015 đến nay.

- Bà Bùi Mỹ Th thừa nhận ông Huỳnh Anh H2K có nợ số tiền 800.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn Thg, bà Th đồng ý khoản nợ 800.000.000 đồng này, nhưng hiện nay chưa có khả năng thanh toán lại cho ông Thg. Riêng đối với số nợ 1.000.000.000 đồng mà ông Thg mượn để trả nợ cho vợ chồng bà Th, bà Th đồng ý hoàn trả cho ông Thg.

- Bà B có đơn xin xét xử vắng mặt. Các ông Huỳnh Văn TiN, Huỳnh Văn TiA, Lâm Thị S là vợ ông Huỳnh Văn U có mặt không có ý kiến về số tiền vay của các đương sự. Đối với hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Bùi Mỹ Th tại khóm Tlg, thị trấn BCh, huyện TTn, có các nhà của các ông, bà đã ở từ lâu, nay ông Thg đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đề nghị ông Thg trả lại giấy cho bà Th để chuyển sang tên cho các ông, bà.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Nguyễn Văn Thg có luật sư Nguyễn Minh El trình bày

Ông Nguyễn Văn Thg khởi kiện bà Bùi Mỹ Th yêu cầu bà Th trả số tiền 800.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi, ngoài ra mẹ và các em của ông H2K có nhà cư ngụ trên phần đất đã thế chấp không có yêu cầu độc lập, bà Th thừa nhận nợ, nhưng không đưa ra được hình thức thanh toán nên yêu cầu HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thg.

Đối với yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị Diệu LiH, tại phiên tòa bà LiH xác định là người thường xuyên cho vay đáo hạn cho cán bộ ngân hàng, lãi suất cho vay không đúng quy định pháp luật, khách hàng có nhu cầu vay thì bà LiH chuyển khoản cho ngân hàng cụ thể bà LiH có chuyển khoản vào tài khoản của bà Th, bà Th thừa nhận có làm biên nhận nợ 1.200.000.000 tỷ đồng với bà LiH nên người bà LiH cho vay không phải là ông Thg. Ông Thg và ông Qn không có sử dụng số tiền này, nên đối với yêu cầu độc lập của bà LiH là không có căn cứ.

Ngoài ra, vào năm 2015 bà LiH có khởi kiện bà B, bà Th, ông Thg, ông Qn, bà LiH đã rút lại hồ sơ khởi kiện. Tại phiên tòa, bà LiH rút lại yêu cầu khởi kiện đối với bà B, bà Th, chỉ yêu cầu ông Thg, ông Qn có trách nhiệm trả 1.000.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật, đồng thời những người tham gia tố tụng khác không có yêu cầu đưa bà LiH vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đối với việc bà Th yêu cầu ông Thg trả lại bản chính 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Bùi Mỹ Th, nhưng bà Th không có đơn yêu cầu phản tố, nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu này của bà Bùi Mỹ Th. Tại phiên

tòa, bà Th tự nguyện trả lại cho ông Thg số tiền 1.000.000.000 đồng, thì ông Thg xin từ chối nhận số tiền trên.

Qn điểm của kiểm sát viên tại phiên tòa

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48 BLTTDS. Xác định thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 BLTTDS năm 2015. Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt thuộc trường hợp Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 BLTTDS 2015.

Về nội dung giải quyết vụ án, căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như diễn biến tại phiên tòa nhận thấy:

Đối với yêu cầu của ông Thg, yêu cầu bà Th trả 800.000.000 đồng. Năm 2014, ông Thg có cho ông H2K vay tiền 02 lần tổng cộng 900.000.000 đồng (có làm biên nhận nợ nhưng không thể hiện thời gian trả cũng như lãi suất). Tháng 3/2015 ông H2K chết có để lại di sản thừa kế là các quyền sử dụng đất do ông H2K đứng tên sở hữu, hiện đã được sang tên cho bà Nguyễn Thị B (mẹ ruột ông H2K) và bà Bùi Mỹ Th (vợ ông H2K), đứng tên. Ông Thg nhiều lần yêu cầu bà Th trả nợ, bà Th trả được 100.000.000 đồng, hiện còn nợ 800.000.000 đồng. Nay ông Thg yêu cầu bà Th trả cho ông số tiền nợ nêu trên không yêu cầu trả lãi, bà Th thừa nhận nợ và đồng ý nhận trách nhiệm trả nợ, nên yêu cầu của ông Thg là có căn cứ, đề nghị chấp nhận.

Đối với việc bà Bùi Mỹ Th yêu cầu ông Thg trả bản chính 02 giấy chứng nhận QSDĐ mang tên bà Bùi Mỹ Th. Xét thấy, việc ông Thg đang giữ bản chính 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Th, để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả khoản nợ của ông H2K. Tuy nhiên, việc giữ giấy trên, các bên không có lập văn bản, không được sự đồng ý của bà Bùi Mỹ Th nên việc tạm giữ của ông Thg là không có căn cứ, bà Bùi Mỹ Th yêu cầu nhận lại là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu độc lập của bà LiH: Xét thấy trong quá trình thụ lý, hòa giải, ghi lời khai, bà LiH yêu cầu ông Thg, bà Th, bà B và ông Qn có trách

nhệm liên đới trả cho bà số tiền vốn vay còn nợ là 1.000.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bà LiH rút lại yêu cầu khởi kiện đối với bà B và bà Th, chỉ yêu cầu ông Thg, ông Qn có trách nhiệm trả 1.000.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Như vậy yêu cầu của bà LiH không đủ điều kiện tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án tranh chấp giữa ông Thg với bà Th theo quy định tại Điều 201 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện mà bà LiH đã rút, tách vụ án tranh chấp giữa bà LiH với ông Thg và ông Qn để giải quyết bằng vụ kiện khác theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những phân tích trên đề nghị HĐXX căn cứ theo Điều 471, 474, 637 Bộ luật dân sự năm 2005:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Thg, buộc bà Th có trách nhiệm liên đới trả cho ông Thg số tiền 800.000.000 đồng và ông Thg có trách nhiệm trả lại 02 giấy chứng nhận QSDĐ mang tên bà Th.

Căn cứ khoản 2 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà LiH về việc buộc bà B và bà Th có trách nhiệm trong việc trả cho bà LiH 1.000.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 2 Điều 42 Bộ luật Tố tụng dân sự, tách quan hệ tranh chấp giữa bà LiH với ông Thg và ông Qn để giải quyết bằng vụ kiện khác.

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*”. Bị đơn đang cư trú trên địa bàn phường CAp, thành phố X nên yêu cầu kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn Nguyễn Văn Thg, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án bà Phạm Thị Diệu Tn; Nguyễn Thị B, Huỳnh Văn U, Huỳnh Thị Thu Ah, bà Huỳnh Thị Mỹ Hg; Ông Huỳnh Văn Trg; Hồ Thị L; Huỳnh Văn Ed; Huỳnh Hữu PhC; Bà Huỳnh Thị Ánh TuT; Trịnh Văn Eb, có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Thg

Theo đơn khởi kiện, ông Thg yêu cầu bà Bùi Mỹ Th thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại là ông Huỳnh Anh H2K số tiền 600.000.000 đồng, sau đó ông Thg có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu bà Bùi Mỹ Th tiếp tục trả khoản nợ 200.000.000 đồng, tổng cộng là 800.000.000 đồng. Lý do, lúc còn sống, ông Huỳnh Anh H2K có viết biên nhận nợ vay của ông Thg số tiền 900.000.000 đồng, bà Th đã trả 100.000.000 đồng, còn lại 800.000.000 đồng. Nay ông Thg yêu cầu bà Bùi Mỹ Th trả đủ một lần số tiền này, không yêu cầu trả lãi suất. Qua kết luận trung cầu giám định, chữ viết, chữ ký trên các biên nhận nợ là của ông Huỳnh Anh H2K viết.

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung của ông Thg, biên bản ghi lời khai ông Thg ngày 21/01/2016, ông Thg chỉ yêu cầu bà Bùi Mỹ Th thanh toán số nợ của ông H2K.

Tại biên bản đối chất do Tòa án lập ngày 07/3/2016, ông Thg có yêu cầu các đồng thừa kế của ông Huỳnh Anh H2K gồm bà B, bà Th, ông TaH, bà Hg có nghĩa vụ liên đới thanh toán khoản nợ vay 800.000.000 đồng. Ông Thg đã nộp tạm ứng án phí cho yêu cầu của mình vào ngày 11/4/2018.

Tại phiên tòa mở ngày 16/9/2020, ông Thg có mặt. Ông xác định lại yêu cầu của ông là khởi kiện những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Anh H2K gồm Bà B, bà Th, bà Hg, ông TaH liên đới thanh toán số nợ 800.000.000 đồng cho ông. Ông không yêu cầu trả lãi.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn Thg phát biểu tranh luận, chỉ yêu cầu bà Bùi Mỹ Th trả khoản nợ cho ông Nguyễn Văn Thg.

Nhận thấy quyền tự định đoạt là của nguyên đơn Nguyễn Văn Thg. Tại phiên tòa ngày 24/3/2021, ông Thg có đơn xin xét xử vắng mặt, nhưng vẫn yêu cầu giữ nguyên yêu cầu khởi kiện khởi kiện những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Anh H2K gồm Bà B, bà Th, bà Hg, ông TaH liên đới thanh toán số nợ 800.000.000 đồng cho ông. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xem xét trong phạm vi đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn.

Ông Huỳnh Anh H2K chết, nhưng các tài sản do ông H2K đứng tên đã được hàng thừa kế thuận phân di sản thừa kế cho bà Th diện tích 1.251.8m² tại thị trấn BCh, huyện TTn, tỉnh An Giang, mục đích sử dụng đất diện tích 600m² là đất ở tại đô thị, 651,8m² là đất trồng cây lâu năm, giấy chứng nhận QSDĐ số vào sổ H0082 được UBND huyện TTn, tỉnh An Giang cấp ngày 26/5/2008 do ông Huỳnh Anh H2K và bà Bùi Mỹ Th đứng tên đã được chuyển quyền thừa kế cho bà Bùi Mỹ Th có số phát hành BX 707050, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 03825 do UBND huyện TTn ngày 15/9/2015; thửa đất số 12 tờ bản đồ số 15, diện tích 746,2 m² ; Diện tích 74,2m² đất tọa lạc THD, phường A, thành phố

X. Còn bà Nguyễn Thị B nhận phần di sản diện tích 30.212m², tọa lạc xã Vĩnh PhC, huyện TTn, An Giang.

Như vậy, về di sản của ông Huỳnh Anh H2K chỉ có bà B, bà Th nhận di sản, ông Huỳnh Hữu TaH, Huỳnh Mỹ Hg thuộc hàng thừa kế của ông H2K đã đồng ý thỏa thuận giao toàn bộ cho bà B, bà Th nhận. Do đó, về số nợ của ông H2K vay ông Thg, thì bà B, bà Th có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại.

Mặc dù bà Th cho rằng, biên nhận nợ là do ông H2K vay, bà không biết và không sử dụng số tiền trên. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà Th đồng ý thực hiện nghĩa vụ của ông H2K, trả khoản nợ 800.000.000 đồng này của ông Thg.

Quá trình làm việc, cũng như lời trình bày tại phiên tòa ngày 16/9/2020, Bà Nguyễn Thị B thì cho rằng diện tích đất 30.212m² của bà và ông Hoa, bà chỉ cho ông H2K mượn đi vay vốn làm ăn, việc ông H2K đứng tên bà không hay biết. Về số nợ của ông H2K, bà không liên quan, không sử dụng nên không đồng ý trả cùng bà Th.

Tuy nhiên, bà B và các con của bà gồm TiN, TiA, U, Ah không khiếu nại, tranh chấp về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Huỳnh Anh H2K. Về chứng cứ, thể hiện ông H2K là người đứng tên 30.212m², bà Nguyễn Thị B nhận phần di sản diện tích 30.212m², tọa lạc xã Vĩnh PhC, huyện TTn, An Giang. Bà B lấy lại và sang tên cho các con, hiện bà đang đứng tên còn lại là 6.000m² đất nông nghiệp. Chính vì vậy, việc khởi kiện của ông Thg yêu cầu những người thừa kế của ông H2K thanh toán nợ, bao gồm bà B, bà Th có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại trả số tiền một lần 800.000.000 đồng cho ông Thg, không yêu cầu thanh toán tiền lãi vay là có căn cứ chấp nhận. Đối với yêu cầu của ông Thg yêu cầu Huỳnh Thị Mỹ Hg, Huỳnh Hữu TaH thực hiện nghĩa vụ là không xem xét, vì không có căn cứ bà Huỳnh Thị Mỹ Hg, ông Huỳnh Hữu TaH nhận di sản theo Điều 615 BLDS 2015.

Căn cứ theo công văn số 595/CNTT ngày 29/3/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh TTn cho biết, thửa đất số 82 tờ bản đồ số 15, diện tích 1251.8m² tại thị trấn BCh, huyện TTn, tỉnh An Giang, mục đích sử dụng đất diện tích 600m² là đất ở tại đô thị, 651,8m² là đất trồng cây lâu năm, giấy chứng nhận QSDĐ số vào sổ H0082 được UBND huyện TTn, tỉnh An Giang cấp ngày 26/5/2008 do ông Huỳnh Anh H2K và bà Bùi Mỹ Th đứng tên đã được chuyển quyền thừa kế cho bà Bùi Mỹ Th có số phát hành BX 707050, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 03825 do UBND huyện TTn ngày 15/9/2015; thửa đất số 12 tờ bản đồ số 15, diện tích 746,2 m² tại thị trấn BCh, huyện TTn, tỉnh An Giang, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, giấy chứng nhận QSDĐ số vào sổ H00824mI, được UBND huyện TTn, tỉnh An Giang cấp ngày 26/5/2008 do ông Huỳnh Anh H2K và bà Bùi Mỹ Th đứng tên đã được chuyển quyền thừa kế cho bà Bùi Mỹ Th có số phát hành BX 707042, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 03824 do UBND huyện TTn ngày 15/9/2015.

Đối với bản chính hai giấy chứng nhận QSDĐ, ông Thg thừa nhận đang giữ, lý do sợ bà Th tẩu tán tài sản. Bà Th cũng xác nhận ông Thg đang giữ giấy chứng nhận QSDĐ đứng tên bà, bà yêu cầu được nhận lại.

Xét, bà B, ông TiA, TiN, S, U đều có yêu cầu nhận lại, vì trên đất có nhà của bà B, của ông TiN, TiA, nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Th đứng tên, nên các đương sự không có quyền yêu cầu. Trường hợp các bên có tranh chấp về việc cấp giấy chứng nhận cho bà Th, thì đây là một quan hệ pháp luật khác, không giải quyết trong cùng một vụ án này.

Mặt khác, việc ông Thg chiếm giữ tài sản của bà Th mà không được sự đồng ý của bà Th, đây là việc chiếm giữ không có căn cứ pháp luật, việc yêu cầu của bà Th là có căn cứ, nghĩ nên buộc ông Nguyễn Văn Thg giao trả cho bà Bùi Mỹ Th bản chính hai giấy chứng nhận QSDĐ đứng tên bà Th là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Diệu LiH

Bà LiH cho rằng ngày 14/7/2015, ông Thg có điện thoại hỏi vay số tiền 1.200.000.000 (một tỷ hai trăm triệu) đồng để trả tiền vay đáo hạn cho bà Bùi Mỹ Th tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) chi nhánh X, thời hạn vay 07 ngày, lãi suất 2.400.000 đồng/ngày. Sáng ngày 14/7/2015, ông Thg cho số tài khoản của khách hàng của ông Thg, kêu bà LiH chuyển khoản trước 600.000.000 đồng. Chiều ngày 14/7/2015, ông Thg kêu ông Đoàn Nguyễn Huy Qn đến nhà bà LiH nhận 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng còn lại. Do mối quan hệ từ lâu, nên khi ông Qn nhận tiền, bà LiH chỉ đưa tiền mặt, không có làm biên nhận.

Sau đó, bà LiH nhiều lần yêu cầu ông Nguyễn Văn Thg trả số nợ 1.200.000.000 đồng. Ông Thg trả cho bà LiH được số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng bằng cách chuyển vào tài khoản Vietcombank của bà Phạm Thị Diệu Tn (em gái bà LiH).

Nay, bà LiH có yêu cầu độc lập, yêu cầu ông Thg, bà Th, bà B và ông Qn có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà LiH số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 14/7/2015 đến nay. Đối với những tài sản trước đây bà Th thế chấp cho Ngân hàng để vay tiền, ông Thg vay 1.200.000.000 đồng của bà LiH để giải chấp cho số tài sản của bà Th đến giai đoạn thi hành án, bà LiH yêu cầu được ưu tiên thanh toán.

Tại phiên tòa, Bà Phạm Thị Diệu LiH rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Thg, ông Qn có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà LiH số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 14/7/2015 đến nay.

Xét yêu cầu này thì thấy, ông Thg thì cho rằng khoản nợ 1.000.000.000 đồng này, bà Th trực tiếp vay của bà LiH, bà Th cũng thừa nhận khoản nợ này

đối với bà LiH và có biên nhận nợ vay. Giữa ông Thg và bà LiH không có thỏa thuận vay tài sản, không có giấy tờ thỏa thuận với nhau.

Mặc dù người thụ hưởng số tiền 1.200.000.000 đồng, đã trả 200.000.000 đồng, còn lại 1.000.000.000 đồng là bà Bùi Mỹ Th .

Tuy nhiên, qua lời khai cũng như tại phiên tòa, bà Th thừa nhận hoàn toàn không quen biết bà LiH, toàn bộ do ông Thg chủ động liên hệ, thỏa thuận vay vốn từ bà LiH để trả nợ thanh toán nợ Ngân hàng cho vợ chồng bà. Số tiền bà Th trả 200.000.000 đồng cho bà LiH cũng do ông Thg hoàn trả lại cho bà Th, kêu bà Th chuyển vào tài khoản của bà Tn. Mọi vấn đề đều do ông Thg thực hiện.

Mặt khác, hồ sơ vụ án thể hiện ông Qn là người trực tiếp, và thừa nhận đến nhận tiền vay của bà LiH số tiền 600.000.000 đồng, thực hiện theo yêu cầu của ông Thg, chứ không phải trực tiếp từ bà Th hỏi vay. Bà Th không có viết biên nhận nợ với bà LiH, chỉ có viết biên nhận số tiền 1,2 tỷ đồng và ký tên, sau đó đưa cho ông Qn.

Qua xem xét những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, thấy rằng giữa bà LiH và ông Thg đều thừa nhận cả hai có mối quan hệ làm ăn với nhau từ trước. Thời điểm bà LiH cho vay tiền, ông Thg đang giữ chức vụ Trưởng Phòng kinh doanh Ngân hàng Vietcombank X. Từ đó, tạo cho bà LiH sự tin tưởng trong việc cho vay vốn, mà không làm biên nhận nợ với ông Thg. Lẽ ra, nếu bà Th là người vay tiền, ông Thg không bảo lãnh, chỉ là người giới thiệu bà Th đến bà LiH, thì người đến nhận tiền của bà LiH phải là bà Th, nhưng trong vụ án này thì xuất phát thỏa thuận ban đầu đều từ ông Thg với bà LiH trong quan hệ giao dịch dân sự vay vốn. Bà LiH không quen biết bà Th, bà Th không có tài sản thế chấp thì không thể nào có được sự tin tưởng của bà LiH, mà bà LiH cho vay 1.200.000.000 đồng, đây là số tiền tương đối lớn, nếu không có sự thỏa thuận của ông Thg trong giao dịch này.

Mặc dù ông Thg không thừa nhận và không có giấy tờ về việc thỏa thuận bảo lãnh cho bà Th vay, nhưng chứng cứ thể hiện chính ông Thg là người kêu ông Qn đến nhận của bà LiH 600.000.000 đồng vào buổi chiều ngày 14/7/2015, và trước đó vào sáng ngày 14/7/2015, bà LiH đã chuyển vào tài khoản ông Thg cung cấp 600.000.000 đồng nhằm tất toán vào tài khoản vay của bà Th cho số nợ 1.200.000.000 đồng.

Như vậy, việc bà LiH đưa tiền 1.200.000.000 đồng, bà chỉ biết giao dịch với ông Thg, nên việc bà LiH kiện đòi ông Thg trả là có căn cứ, còn giữa ông Thg với bà Th là một quan hệ dân sự khác, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ án khác.

Đối với việc bà LiH có đi đến nhà bà Nguyễn Thị B tại huyện TTn buộc trả nợ thay cho ông H2K, bà Th, theo như lời khai của bà LiH là do ông Thg kêu bà đi đòi lại tiền vay. Việc này xuất phát từ việc nôn nóng muốn nhận lại số tiền

vay của bà LiH, không đủ căn cứ để buộc trách nhiệm nợ vay giữa bà Th với bà LiH. Quá trình làm việc, bà Bùi Mỹ Th có lời khai đồng ý số nợ và sẽ trả lại cho bà Phạm Thị Diệu LiH số nợ 1.000.000.000 đồng, nhưng nay bà LiH từ chối nhận nên không có căn cứ để chấp nhận ý kiến cũng như ràng buộc nghĩa vụ trả nợ này của bà Th.

Đối với ông Đoàn Nguyễn Huy Qn, là người nhận trực tiếp số tiền 600.000.000 đồng của bà LiH, nhưng theo sự yêu cầu từ ông Thg, xuất phát từ mối quan hệ đồng nghiệp trong cơ quan đơn vị, và ông Qn cũng không phải là người sử dụng số tiền vay, giữa ông Qn, ông Thg đều thống nhất có số tiền 600.000.000 đồng này. Chính vì vậy, ông Qn không có nghĩa vụ phải chịu liên đới cùng ông Thg để thanh toán số tiền theo yêu cầu khởi kiện của bà LiH được.

Về yêu cầu tính lãi:

Theo bà LiH, các bên có thỏa thuận lãi suất vay nhưng các đương sự không thống nhất về lãi suất, bà LiH cũng chưa được nhận lãi theo thỏa thuận. Nay bà LiH yêu cầu được thanh toán tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

“ Giao dịch dân sự chưa được thực hiện hoặc đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự 2015 thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 ” .

Như vậy, tiền lãi từ ngày 14/7/2015 như sau:

Số nợ gốc 1.000.000.000 đồng x 68 tháng 17 ngày (tính từ ngày 14/7/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm) x 0,833%/tháng = 14 571.160.000 đồng. Như vậy, tổng số nợ gốc của bà Phạm Thị Diệu LiH và lãi vay là 1.571.160.000 đồng.

Từ những lý do trên, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của bà LiH là buộc ông Thg thanh toán cho bà LiH số tiền còn lại 1.000.000.000 đồng và lãi suất vay từ ngày 14/7/2015 là số tiền 1.571.160.000 đồng là phù hợp và có căn cứ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà LiH, về việc buộc bà B và bà Th có trách nhiệm trả bà LiH 1.000.000.000 đồng.

[5] Qn điếm của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Thg nêu ý kiến không chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị Diệu LiH là chưa đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của bà LiH nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Bà LiH khởi kiện 04 ông bà B, Th, Thg, Qn cùng liên đới trả khoản nợ 1.000.000.000 đồng cho bà, nay bà rút lại một phần yêu cầu người thực hiện nghĩa vụ, chỉ khởi kiện ông Thg, ông Qn, nhưng đều có liên quan đến bà Th, bà B, đây là quyền của đương sự, vì việc thay đổi này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu.

Do đó, quan điếm của Kiểm sát viên đề nghị tách vụ kiện của bà LiH kiện ông Thg, ông Qn ra thành một vụ kiện độc lập là chưa giải quyết toàn diện, triệt để vụ án nên Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến này.

[6] Về chi phí tố tụng:

Do bà Bùi Mỹ Th không thừa nhận chữ ký, chữ viết của ông Huỳnh Anh H2K, nên ông Thg đã đề nghị trưng cầu giám định. Nay yêu cầu của ông Thg được chấp nhận, cho nên bà Bùi Mỹ Th phải hoàn trả chi phí tố tụng giám định, định giá 2.500.000 đồng lại cho ông Thg đã nộp tạm ứng trước đó.

Chi phí đo đạc, bà LiH tự nguyện nộp, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí:

Bị đơn bà Bùi Mỹ Th phải chịu 36.000.000 đồng án phí đối với số tiền 800.000.000 đồng mà ông Thg được chấp nhận yêu cầu.

Ông Nguyễn Văn Thg phải chịu án phí số tiền 59.134.000 đồng án phí trên số tiền 1.571.160.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 19.000.000 đồng theo hai biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2014/0001674 ngày 06/10/2015, số TU/2015/0015194 ngày 11/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X, ông Thg còn phải nộp thêm 40.134.000 đồng là đủ án phí.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Phạm Thị Diệu LiH số tiền 21.000.000đ (Hai mươi một triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số TU/2015/0015257 ngày 10/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X, tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều khoản 2 Điều 217, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 463, 468, khoản 2 Điều 357, Điều 615, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Thg, buộc bà Bùi Mỹ Th và bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Thg số tiền 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng).

Buộc ông Thg hoàn trả bản chính hai giấy chứng nhận QSDĐ cho bà Bùi Mỹ Th gồm: Thửa đất số 82 tờ bản đồ số 15, diện tích 1251,8m² tại thị trấn BCh, huyện TTn, tỉnh An Giang, mục đích sử dụng đất diện tích 600m² là đất ở tại đô thị, 651,8m² là đất trồng cây lâu năm, giấy chứng nhận QSDĐ số vào sổ H0082 được UBND huyện TTn, tỉnh An Giang cấp ngày 26/5/2008 do ông Huỳnh Anh H2K và bà Bùi Mỹ Th đứng tên đã được chuyển quyền thừa kế cho bà Bùi Mỹ Th có số phát hành BX 707050, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 03825 do UBND huyện TTn ngày 15/9/2015; thửa đất số 12 tờ bản đồ số 15, diện tích 746,2 m² tại thị trấn BCh, huyện TTn, tỉnh An Giang, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, giấy chứng nhận QSDĐ số vào sổ H00824mI, được UBND huyện TTn, tỉnh An Giang cấp ngày 26/5/2008 do ông Huỳnh Anh H2K và bà Bùi Mỹ Th đứng tên đã được chuyển quyền thừa kế cho bà Bùi Mỹ Th có số phát hành BX 707042, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 03824 do UBND huyện TTn ngày 15/9/2015.

[2] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Diệu LiH, buộc ông Nguyễn Văn Thg có nghĩa vụ trả cho bà LiH số tiền 1.571.160.000 đồng gồm 1.000.000.000 đồng vốn gốc và lãi 571.160.000 đồng lãi tính từ ngày 14/7/2015 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

[3] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà LiH, về việc buộc bà B và bà Th có trách nhiệm trả bà LiH 1.000.000.000 đồng.

[5] Về chi phí tố tụng: Bà Bùi Mỹ Th phải hoàn trả chi phí tố tụng giám định, định giá 2.500.000 đồng lại cho ông Nguyễn Văn Thg.

Chi phí đo đạc, bà Phạm Thị Diệu LiH tự nguyện nộp, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Bùi Mỹ Th phải chịu 36.000.000 đồng án phí.

Ông Nguyễn Văn Thg phải chịu án phí số tiền 59.134.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 19.000.000 đồng theo hai biên lai thu tạm ứng án phí, lệ

phí Tòa án số TU/2014/0001674 ngày 06/10/2015, số TU/2015/0015194 ngày 11/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X, ông Thg còn phải nộp thêm 40.134.000 đồng là đủ án phí.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Phạm Thị Diệu LiH số tiền 21.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số TU/2015/0015257 ngày 10/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X, tỉnh An Giang.

[7] Quyền kháng cáo

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của các đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. X (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. X (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Ngọc Hà